

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**Quảng Trị - Tháng 02 năm 2021**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2-3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4-5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng Cân đối kế toán	6-7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-21



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị (gọi tắt “Công ty”) là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200294306 đăng ký lần đầu ngày 18/12/2008 và đăng ký thay đổi lần 01 ngày 08/07/2013, do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 01 ngày 08/07/2013 là 23.530.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 2.353.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng quản trị gồm**

Ông Nguyễn Chơn Biên	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Ông Phạm Công Lê Luận	Thành viên
Ông Mai Văn Tý	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Hoàng Thị Nhân	Trưởng ban
-------------------	------------

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Thu Phương	Kế toán trưởng

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

A.S.D.  
C  
T  
KIỂM  
A VI  
A N

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính của Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Văn Cường**  
**Tổng Giám đốc**

Quảng Trị, ngày 08 tháng 02 năm 2021

0107  
GTY  
H  
ÁN  
AM  
VIỆT



Số: 76/2021/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị, được lập ngày 08/02/2021, từ trang 06 đến trang 21 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, trong năm 2020 Công ty chưa ghi nhận chi phí khấu hao phát sinh với giá trị ước tính là 1,587 tỷ đồng. Do đó, nếu Công ty thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao nêu trên, lợi nhuận kế toán trước thuế và tổng giá trị tài sản trên Báo cáo tài chính kèm theo sẽ giảm thêm một khoản tương ứng.

**Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature, likely belonging to Lưu Anh Tuấn.

---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021

---

**Lưu Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

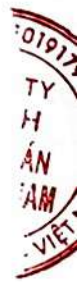
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.562.419.857</b>	<b>13.727.483.788</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.105.615.555</b>	<b>5.073.487.184</b>
1. Tiền	111		57.559.956	399.364.604
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>1.689.351.911</b>	<b>1.592.161.058</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.689.351.911	1.592.161.058
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>923.082.617</b>	<b>1.111.992.617</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	909.454.400	1.098.364.400
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	13.628.217	13.628.217
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.819.408.307</b>	<b>5.924.159.587</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	5.819.408.307	5.924.159.587
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.961.467</b>	<b>25.683.342</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	721.875
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	24.961.467	24.961.467
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.569.130.463</b>	<b>7.579.548.658</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.560.487.060</b>	<b>7.560.487.060</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	7.560.487.060	7.560.487.060
- Nguyên giá	222		21.845.866.927	21.845.866.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.285.379.867)	(14.285.379.867)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.643.403</b>	<b>19.061.598</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	8.643.403	19.061.598
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>21.131.550.320</b>	<b>21.307.032.446</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>762.767.669</b>	<b>490.083.592</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>762.767.669</b>	<b>490.083.592</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	346.378.635	54.552.235
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	69.455	327.516
4. Phải trả người lao động	314		70.034.861	55.419.123
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	66.725.967	66.725.967
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		279.558.751	313.058.751
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.368.782.651</b>	<b>20.816.948.854</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>20.368.782.651</b>	<b>20.816.948.854</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.530.000.000	23.530.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.530.000.000	23.530.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.087.432.356	3.087.432.356
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.248.649.705)	(5.800.483.502)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(877.323.192)	(877.323.192)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.371.326.513)	(4.923.160.310)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>21.131.550.320</b>	<b>21.307.032.446</b>

Người lập

  
 Hoàng Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

  
 Hoàng Thị Thu Phương

Quảng Trị, ngày 02 tháng 02 năm 2021



Lê Văn Cường



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	999.739.936	3.647.805.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		999.739.936	3.647.805.000
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	803.871.735	4.505.617.613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		195.868.201	(857.812.613)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	199.183.671	225.110.501
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.15	-	113.848.428
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.15	883.218.075	1.224.815.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(488.166.203)	(1.971.366.334)
11. Thu nhập khác	31	5.16	40.000.000	291.169.872
12. Chi phí khác	32	5.16	-	3.242.963.848
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		40.000.000	(2.951.793.976)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(448.166.203)	(4.923.160.310)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.17	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(448.166.203)	(4.923.160.310)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	(190,47)	(2.092,29)

ASD  
C  
KII  
JPA  
JH

Quảng Trị, ngày 08 tháng 02 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Trang Phi Nhân

Hoàng Thị Thu Phương

Lê Văn Cường

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1	2	3	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.120.255.936	4.039.663.640
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(507.985.584)	(3.085.649.415)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(742.357.204)	(1.065.140.513)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		75.549.921	366.980.908
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.327.516)	(1.374.034.578)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(69.864.447)</b>	<b>(1.118.179.958)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.992.818	123.582.510
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>101.992.818</b>	<b>123.582.510</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>32.128.371</b>	<b>(994.597.448)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	5.073.487.184	6.068.084.632
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>5.105.615.555</b>	<b>5.073.487.184</b>

Quảng Trị, ngày 02 tháng 02 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Hoàng Thị Nhân*

*Hoàng Thị Thu Phương*



*Hoàng Thị Nhân*

Hoàng Thị Thu Phương

Lê Văn Cường



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị (gọi tắt “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200294306 đăng ký lần đầu ngày 18/12/2008 và đăng ký thay đổi lần 01 ngày 08/07/2013, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Linh, Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 01 ngày 08/07/2013 là 23.530.000.000 đồng.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Trồng cây cao su; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, mua bán xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp, cao su nguyên liệu, cao su sơ chế, phân vi sinh, bát hứng mù các loại;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bia;
- Sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất trang phục;
- Khai thác thu gom và chế biến than bùn;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng khai khoáng, xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Xuất khẩu lao động; Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam, ký hiệu VND.

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tương đương tiền và Tiền đang chuyển và được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư khác, công cụ tài chính: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư là tiền gửi có kỳ hạn: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị có thể thu hồi được của khoản đầu tư khi giá trị có thể thu hồi được thấp hơn giá trị thu hồi theo thỏa thuận hoặc cam kết tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản tổn thất sẽ ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp không xác định được một cách tin cậy, việc lập dự phòng sẽ không được ghi nhận và Công ty thuyết minh bổ xung các thông tin cần thiết về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phần chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 – 21
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 – 20
Máy móc thiết bị	08 – 13
TSCĐ khác	10 – 16

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như đối với TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại sẽ được trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

01  
NG  
NH  
TC  
ETI  
NỘ



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, các Công ty con của Tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là hoạt động sản xuất phân bón và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	29.516.481	60.067.038
Tiền gửi ngân hàng	28.043.475	339.297.566
Các khoản tương đương tiền	5.048.055.599	4.674.122.580
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	5.048.055.599	4.674.122.580
<b>Tổng</b>	<b>5.105.615.555</b>	<b>5.073.487.184</b>

**5.2 Đầu tư ngắn hạn khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	1.689.351.911	1.689.351.911	1.592.161.058	1.592.161.058
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.689.351.911	1.689.351.911	1.592.161.058	1.592.161.058
<b>Tổng</b>	<b>1.689.351.911</b>	<b>1.689.351.911</b>	<b>1.592.161.058</b>	<b>1.592.161.058</b>

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Trị. Số gốc tiền gửi: 1.500.000.000 VND. Thời hạn gửi: 6 tháng. Lãi suất: 5,7%. Phương thức trả lãi: lãi nhập gốc.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>909.454.400</b>	<b>1.098.364.400</b>
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9	440.100.000	649.010.000
Lê Văn Quốc	100.000.000	100.000.000
HTX Vinh Thủy	168.950.000	168.950.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	200.404.400	180.404.400
<b>Tổng</b>	<b>909.454.400</b>	<b>1.098.364.400</b>

**5.4 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	13.628.217	-	13.628.217	-
Bảo hiểm xã hội	5.528.391	-	5.528.391	-
Phải thu khác	8.099.826	-	8.099.826	-
Lãi tiền gửi	8.099.826	-	8.099.826	-
<b>Tổng</b>	<b>13.628.217</b>	<b>-</b>	<b>13.628.217</b>	<b>-</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	583.569.812	-	681.803.692	-
Thành phẩm	3.485.838.495	-	3.492.355.895	-
Hàng hóa	1.750.000.000	-	1.750.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>5.819.408.307</b>	<b>-</b>	<b>5.924.159.587</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUÁNG TRỊ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

NGUYÊN GIÁ	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	9.426.690.855	4.712.461.689	2.259.348.163	5.447.366.220	21.845.866.927
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>9.426.690.855</b>	<b>4.712.461.689</b>	<b>2.259.348.163</b>	<b>5.447.366.220</b>	<b>21.845.866.927</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2020	5.760.140.519	3.385.063.355	1.748.847.933	3.391.328.060	14.285.379.867
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>5.760.140.519</b>	<b>3.385.063.355</b>	<b>1.748.847.933</b>	<b>3.391.328.060</b>	<b>14.285.379.867</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2020	3.666.550.336	1.327.398.334	510.500.230	2.056.038.160	7.560.487.060
Tại 31/12/2020	3.666.550.336	1.327.398.334	510.500.230	2.056.038.160	7.560.487.060

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020: 806.011.099 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	721.875
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	721.875
<b>Dài hạn</b>	8.643.403	19.061.598
Sửa chữa tài sản	8.643.403	12.331.042
Các khoản khác	-	6.730.556
<b>Tổng</b>	<b>8.643.403</b>	<b>19.783.473</b>

**5.8 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	346.378.635	346.378.635	54.552.235	54.552.235
Công ty cổ phần xây lắp An Thịnh Phát	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000
Công ty CP tư vấn chất lượng công trình Kiến Trúc Xanh	11.823.518	11.823.518	11.823.518	11.823.518
Trung tâm quan trắc và kỹ thuật môi trường QT	22.542.000	22.542.000	22.542.000	22.542.000
Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	291.826.400	291.826.400	-	-
Phải trả đối tượng khác	186.717	186.717	186.717	186.717
<b>Tổng</b>	<b>346.378.635</b>	<b>346.378.635</b>	<b>54.552.235</b>	<b>54.552.235</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND			VND
<b>Phải nộp</b>	327.516	7.069.455	7.327.516	69.455
Thuế giá trị gia tăng	327.516	4.069.455	4.327.516	69.455
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	24.961.467	-	-	24.961.467
Thuế thu nhập cá nhân	24.961.467			24.961.467

**5.10 Phải trả khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	66.725.967	66.725.967
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	66.725.967	66.725.967
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>66.725.967</b>	<b>66.725.967</b>

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

**Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	23.530.000.000	3.087.432.356	(877.323.192)	25.740.109.164
Tăng vốn	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	(4.923.160.310)	(4.923.160.310)
Số dư tại 31/12/2019	23.530.000.000	3.087.432.356	(5.800.483.502)	20.816.948.854
Số dư tại 01/01/2020	23.530.000.000	3.087.432.356	(5.800.483.502)	20.816.948.854
Tăng vốn	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	(448.166.203)	(448.166.203)
Số dư tại 31/12/2020	23.530.000.000	3.087.432.356	(6.248.649.705)	20.368.782.651

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP QUASA-GERUCO	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Sinh	2.600.000.000	2.600.000.000
Ông Lê Văn Cường	3.930.000.000	3.930.000.000
<b>Tổng</b>	<b>23.530.000.000</b>	<b>23.530.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.353.000	2.353.000
Cổ phiếu phổ thông	2.353.000	2.353.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.353.000</b>	<b>2.353.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.353.000	2.353.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

<b>5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	999.739.936	3.647.805.000
	<b>Tổng</b>	<b>999.739.936</b>	<b>3.647.805.000</b>
<b>5.13 Giá vốn hàng bán</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá vốn hàng bán	803.871.735	4.505.617.613
	<b>Tổng</b>	<b>803.871.735</b>	<b>4.505.617.613</b>
<b>5.14 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Lãi tiền gửi ngân hàng	199.183.671	225.110.501
	<b>Tổng</b>	<b>199.183.671</b>	<b>225.110.501</b>
<b>5.15 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Chi phí bán hàng	-	113.848.428
	Chi phí khấu hao TSCĐ	-	38.848.428
	Chi phí bằng tiền khác	-	75.000.000
	<b>Chi phí quản lý</b>	<b>883.218.075</b>	<b>1.224.815.794</b>
	Chi phí nhân viên quản lý	654.059.021	526.836.094
	Chi phí vật liệu quản lý	1.207.000	542.000
	Chi phí đồ dùng văn phòng	11.290.070	142.217.331
	Chi phí khấu hao TSCĐ	-	218.243.604
	Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.725.360	116.253.024
	Chi phí bằng tiền khác	148.936.624	217.723.741
	<b>Tổng</b>	<b>883.218.075</b>	<b>1.338.664.222</b>
<b>5.16 Lợi nhuận khác</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>Thu nhập khác</b>		
	Chuyển giao bản quyền công thức phân bón	-	100.000.000
	Cho thuê kho	-	145.454.545
	Cho thuê sân bãi và máy xúc	40.000.000	-
	Thu nhập khác	-	45.715.327
	<b>Tổng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>291.169.872</b>
	<b>Chi phí khác</b>		
	Chi phí khác không có doanh thu tương ứng	-	3.242.963.848
	<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>3.242.963.848</b>
	<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>40.000.000</b>	<b>(2.951.793.976)</b>

A.S.D  
 C  
 7  
 KIỂM  
 PA V  
 HAI

**5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(448.166.203)	(4.923.160.310)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	3.242.963.848
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	3.242.963.848
<i>Chi phí không được trừ</i>		3.242.963.848
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(448.166.203)</b>	<b>(1.680.196.462)</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20,0%	20,0%
<b>Thuê thu nhập hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(448.166.203)	(4.923.160.310)
Các khoản điều chỉnh LNST		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(448.166.203)	(4.923.160.310)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.353.000	2.353.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(190,47)	(2.092,29)

**5.19 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.497.070	753.292.609
Chi phí nhân công	654.059.021	860.701.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.508.227.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.725.360	140.716.104
Chi phí khác bằng tiền	148.936.624	295.547.491
<b>Tổng</b>	<b>880.218.075</b>	<b>3.558.484.938</b>

**6. Thông tin khác**

**6.1 Công cụ tài chính**

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp: Trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực này được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định chưa trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư 210/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

01015  
 3 TY  
 1H  
 0ÁN  
 NAM  
 1-VIE



6.2 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính năm 2020 được lập dựa trên cơ sở Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần (ít nhất 12 tháng). Công ty không có ý định giải thể hay ngừng hoạt động kinh doanh cũng như bị buộc phải thu hẹp đáng kể hoạt động kinh doanh.

6.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

6.4 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Ban Giám đốc	Lương, thù lao	250.800.000	270.692.288

Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị - Công ty mẹ	Tiền hàng hóa	303.800.000	763.935.000
Công ty CP Quasa-Geruco (Cổ đông)	Tiền hàng hóa	-	1.695.000.000

Số dư với các bên liên quan: Không có số dư công nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan là Công ty mẹ và cổ đông khác.

6.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh đầu năm 2020 được lấy theo số dư ngày 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Quảng Trị, ngày 02 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Thu Phương

Hoàng Thị Thu Phương

Lê Văn Cường